

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tinh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân;
Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1984, cư trú tại: thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1985, cư trú tại: thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Hà Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C tự nguyện kết hôn, có làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T vào ngày 26/5/2005. Sau khi kết hôn được thời gian khoảng 8 tháng thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N bỏ nhà ra Hải Phòng đi làm Công ty, thi thoảng mới về nhà thăm con, đến khi con được khoảng 2 tuổi thì vợ chồng đã sống ly thân, đến

nay đã hơn 10 năm không còn qua lại, quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp và do có khó khăn về kinh tế nên vợ chồng hay cãi vã, anh C hay đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị N, nên chị N phải bỏ nhà ra đi. Nay chị N xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 09/11/2005, hiện tại con chung đang ở với anh C. Quan điểm của chị N là cháu M có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Nếu chị N được quyền nuôi dưỡng con chung, chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ tài sản của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2018 bị đơn là anh Phạm Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X đúng như chị N trình bày; Trong quá trình chung sống thì tình cảm vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị N bỏ nhà đi từ năm 2006 đến nay vợ chồng sống ly thân. Anh C xác định không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là Phạm Văn M, sinh ngày 09/11/2005, hiện tại con chung đang ở với anh C. Quan điểm của anh C là xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: anh C xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2018 cháu Phạm Văn M trình bày: bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là xin được ở với bố vì hiện tại cháu đang ở ổn định với bố và đang đi học tại Trường THCS xã X

Tại Biên bản xác minh lập ngày 12/11/2018, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: anh Phạm Văn C và chị Hà Thị N có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào ngày 26/5/2005; Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị N đã bỏ nhà đi được hơn 10 năm nay, từ đó anh C và chị N đã sống ly thân. Vợ chồng có một con chung là Phạm Văn M, sinh ngày 09/11/2005, hiện tại đang ở với anh C.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn C vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn C; Về con chung: giao cháu Phạm Văn M cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: chị Hà Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị N khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C, cư trú tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là Phạm Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Phạm Văn C tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/5/2005, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được thời gian thì tình cảm vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, chị N bỏ nhà đi từ năm 2006 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm qua lại với nhau; Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do có khó khăn về kinh tế, vợ chồng không quan tâm chia sẻ với nhau. Nay chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C; Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án anh C có lời khai thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C và chị N được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Nga, xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn C.

[3] Về con chung: Chị N và anh C đều xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là Phạm Văn M, sinh ngày 09/11/2005, hiện tại con chung đang ở với anh C.

Xét nguyện vọng nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Quan điểm của chị N là con chung có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng; Quá trình giải quyết vụ án anh C có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung, cháu M cũng có nguyện vọng xin được ở với anh C. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phạm Văn M cho anh Phạm Văn C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh C không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh C, nên Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị N và anh C đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ tài sản của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị N, Chị Hà Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Chị Hà Thị N và anh Phạm Văn C có 01 (một) con chung là Phạm Văn M, sinh ngày 09/11/2005, hiện tại đang ở với anh C;

Giao cháu Phạm Văn M cho anh Phạm Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Hà Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Chị Hà Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001276 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Hà Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến